

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2024

“V/v Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ngân.

2. Ông Lê Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà L, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm bà L và ông Lê Văn H mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 04-01-2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H uống rượu rồi về kiếm có chửi bới bà L nhiều lần. Dù bà không có lỗi nhưng đi đâu làm gì ông H cũng ghen tuông vô cớ. Năm 2022, vì không thể chịu đựng được nên bà L có làm đơn xin ly hôn với ông H tại Tòa án nhân dân huyện Châu Đức. Khi Tòa án triệu tập để giải quyết do ông H xin thời gian để sửa đổi, hàn gắn tình cảm, bà L đã rút đơn ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân

sự số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14-3-2022. Dù đã cố gắng bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng qua thời gian ông H vẫn không sửa đổi nên từ tháng 02-2023 cho đến nay bà L đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã C, huyện D để sống cho đến nay. Trong thời gian này ông H có tìm đến nhà bà L nhưng không phải để hàn gắn tình cảm mà lại chửi bới, ghen tuông. Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: bà L xin được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà L và ông H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông H là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04-01-2019 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L nguyên nhân mâu thuẫn do ông H thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà kiếm cớ gây gỗ, ghen tuông với bà L một cách vô cớ. Từ tháng 02-2023 cho đến nay bà L đã về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để sống cho đến nay.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà L, Tòa án đã triệu tập ông H để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông H vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa bà L và ông H là có thật, hiện bà L đang sinh sống tại địa chỉ ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu còn ông H sinh sống tại địa chỉ tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà L được ly hôn với ông H.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà L và ông H không có con chung.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ L và ông Lê Văn H.
2. Về nuôi con chung: Không có.
3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008713 ngày 19 tháng 7 năm 2023; bà Trần Thị Mỹ L đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga

